TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11/8/2020
V/v: Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

I. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huấn.

2. Các Hội thẩm nhân dân:

2.1. Ông Trần Xuân Hòa;

2.2. Ông Nguyễn Đức Tuân.

II. Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Long – Thư ký.

II. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên: Bà Lê Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2020/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 38/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 24/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1956, vắng mặt.

Trú tại: Thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1945, vắng mặt.

Trú tại: Thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1986, vắng mặt.

Trú tại: Thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-6-2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: Bà và ông Lê Văn B, sinh năm 1945 người ở thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên kết hôn với nhau vào năm 2006. Việc hai bên đến với nhau là tự nguyện, trước kia bà và ông B đều đã kết hôn nhưng do hoàn cảnh của mỗi bên, bà thì ly hôn, còn ông B thì vợ chết nên ông, bà tìm đến với nhau để nương tựa tuổi già. Bà và ông B có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội và được cấp giấy chứng nhận kết hôn

vào ngày 30/10/2006. Sau khi kết hôn bà chuyển về nhà chồng chung sống và chuyển đăng ký hộ khẩu thường trú nhập về xã A cho đến nay. Tuy nhiên trong thời gian chung sống do nẩy sinh những quan điểm trái chiều, dẫn đến hai bên không có sự hòa hợp, dù cố gắng nhưng vẫn không thể cải thiện, dung hòa để cùng chung sống, đến tháng 3/2020 mâu thuẫn căng thẳng nên bà và ông B đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay, sau khi ly thân mỗi bên tự lo cuộc sống riêng. Khi hai bên mâu thuẫn mặc dù đã được gia đình người thân của hai bên động viên, khuyên bảo nhiều nhưng vẫn không thể cải thiện được mối quan hệ, ông bà cũng đã họp gia đình để đưa ra quyết định tốt nhất, mặc dù xác định hai bên đều đã nhiều tuổi nhưng không thể sống mãi như hiện nay làm ảnh hưởng đến tâm lý nên sau khi họp gia đình bà quyết định làm đơn gửi tới Tòa án để xin giải quyết ly hôn với ông B, đồng thời bà xác định việc xin ly hôn bà đã suy xét kỹ trước khi quyết định, bà cũng xác định không có ý kiến gì khác nên đã có đơn xin từ chối hòa giải với ông B và đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã thụ lý giải quyết vụ án và thông báo cho các bên đương sự đến giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về các nội dung liên quan. Tuy nhiên chỉ có bà A có mặt đầy đủ, còn bị đơn ông B đều vắng mặt không có lý do. Ngày 20/7/2020 Tòa án đã về gia đình ông B để làm việc, tiến hành lấy lời khai, quan điểm của ông B và ông B cho biết như sau: Về điều kiện kết hôn, quan hệ hôn nhân cũng thống nhất như bà A đã trình bầy. Sau khi kết hôn hai bên chung sống tại thôn T, xã A, huyện K nhưng quá trình vợ chồng chung sống không được hạnh A, xẩy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống và khoảng 01 năm năm nay giữa ông và bà A không sống cùng nhau nữa. Mặc dù những người thân trong gia đình cũng đã khuyên bảo nhưng vẫn không cải thiện được. Nay bà A gửi đơn đến Tòa án để xin được giải quyết ly hôn với ông, quan điểm của ông xác định hai bên không thể hàn gắn nên ông cũng nhất trí ly hôn với bà A và đề nghị Tòa án sớm giải quyết dứt điểm cho hai bên. Đồng thời ông cũng xác định trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ông đã nhiều lần nhận được giấy báo của Tòa án thông báo đến làm việc nhưng vì bận công việc riêng nên ông không đến. Nay ông xác định điều kiện tuổi cao đi lại khó khăn nên ông đề nghị Tòa án căn cứ theo quan điểm đã trình bầy để giải quyết, xét xử vắng mặt ông và không phải báo ông đến làm việc nữa (ông B đã có đơn đề nghị gửi kèm theo).

Về con chung: Bà A và ông B đều khẳng định vợ chồng có không có con chung nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Bà A và ông B đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại các tài liệu các bên đương sự cung cấp, cũng như nội dung xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương xã An Vĩ, cùng lời khai của người làm chứng cho thấy: Thống nhất như lời khai của bà A và ông B.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà A và ông B đều vắng mặt tại phiên tòa và không có yêu cầu thay đổi, bổ sung gì khác chuyển Tòa án so với quan điểm đã trình bày trước đây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng Dân sự, vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 – BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử cho bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Lê Văn B.

- Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của bà A và ông B đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết.

- Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện xin giải quyết ly hôn do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS 2015 xác định đây là vụ án về hôn nhân và gia đình trong đó tranh chấp về ly hôn. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và thường trú tại thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên nên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

[2] Về thành phần người tham gia tố tụng: Thành phần người tham gia tố tụng (nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng) đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có đơn, cũng như quan điểm đề nghị xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 của BLTTDS 2015 vụ án được đưa ra xét xử đảm bảo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Qua tài liệu các bên cung cấp, Tòa án thu thập, xác minh cho thấy việc bà Nguyễn Thị A và ông Lê Văn B kết hôn với nhau là tự nguyện, tự do tìm hiểu và có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội và được cấp giấy chứng nhận

kết hôn vào ngày 30/10/2006 (số: 179; quyển số: 01/2006). Sau khi kết hôn hai bên chuyển về chung sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã An Vĩ cho đến nay. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B là hợp pháp, đã được pháp luật công nhận. Trong thời gian hai bên chung sống xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn, dẫn tới căng thẳng, mặc dù đã được gia đình, người thân khuyên bảo nhưng vẫn không cải thiện được nên hiện hai bên đã sống ly thân nhau, mỗi bên tự lo cuộc sống riêng. Đến nay cả hai bên đều xác định không thể hàn gắn, níu kéo thêm nên đều nhất trí xin được ly hôn nhau. Do đó, cần xử cho bà A được ly hôn với ông B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Bà A và ông B đều khẳng định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3.3] *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Bà A và ông B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

***[4] Về án phí*:** Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***[5] Về quyền kháng cáo*:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 – BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Lê Văn B.

3. Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

5. Về án phí: Bà A phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà A đã nộp theo Biên lai thu số 0002265 ngày 18/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn (vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã An Vĩ;
- UBND phường Vĩnh Tuy;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Huấn